TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠI TỪ** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 133/2022/HS-ST
Ngày 22/11/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kao Hoàng

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Việt Hưng

2. Ông Phan Tuấn

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Mừng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Vũ - Kiểm sát viên

Trong ngày 22 tháng 11 năm 2022, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đã thụ lý số: 130/2022/TLST-HS ngày 24/10/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2022/QĐXX-ST ngày 08/11/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn N,** sinh ngày: 15/3/1978

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: xóm L, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;

Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 03/12.

Bố: Nguyễn Văn N1, sinh năm 1953 (đã chết); Mẹ: Nguyễn Thị T; Sinh năm: 1956

Gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình.

Vợ, con: chưa có

- Tiền án: Không.
- Tiền sự: 02

+ Tại Quyết định số 15/2018/QĐ-TA ngày 06/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Nguyễn Văn N thời hạn 18 tháng (chấp hành xong ngày 23/01/2020)

+ Tại Quyết định số 33/2020/QĐ-TA ngày 25/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Nguyễn Văn N thời hạn 18 tháng (chấp hành xong ngày 04/01/2022)

- Nhân thân: 07

+ Tại Bản án số 16/HSST ngày 15/5/1996 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Nguyễn Văn N 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"

+ Tại Bản án số 56/HSST ngày 25/7/1997 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Nguyễn Văn N 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"

+ Tại Bản án số 268/HSST ngày 10/11/1999 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xử phạt Nguyễn Văn N 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"

+ Tại Bản án số 62/HSST ngày 25/12/2002 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Nguyễn Văn N 42 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"

+ Tại Bản án số 46/2006/HSST ngày 30/11/2006 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Nguyễn Văn N 36 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"

(Các Bản án về tội Trộm cắp tài sản đã được xóa án tích theo Nghị quyết số 33/2009/QH12 do tài sản có giá trị dưới 2.000.000 đồng)

+ Tại Bản án số 216/2010/HSST ngày 18/8/2010 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Nguyễn Văn N 04 năm về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" (Bản án đã được xóa án tích)

+ Tại Bản án số 48/2015/HSST ngày 23/6/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Nguyễn Văn N 36 tháng về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"(Bản án đã được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/8/2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đại Từ. (Có mặt tại phiên tòa)

***. Bị hại:**

1. Anh: Nguyễn Văn H, sinh năm: 1979 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm C, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

***. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh: Phạm Văn T1, sinh năm: 1991 (Vắng mặt)

2.Anh: Phạm Văn K, sinh năm: 1988 (Vắng mặt)

Đều trú tại: Xóm L, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

3. Chị: Nguyễn Thị C, sinh năm: 1960 (Có mặt)

Trú tại: TDP Đ, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

4. Anh: Nguyễn Văn G, sinh năm: 1982 (Vắng mặt)

Trú tại: Xóm T, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn N là đối tượng nghiện chất ma túy, không có nghề nghiệp ổn định. Chiều ngày 24/5/2022, N đến nhà anh Phạm Văn K, sinh năm 1988, trú tại xóm L, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên chơi và ngủ lại. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 25/5/2022, N tỉnh ngủ và nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản. N nhìn thấy tại sân nhà anh K có chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM Angel màu đỏ đen, không gắn biển kiểm soát, trên xe có cắm chìa khóa, là xe của anh Phạm Văn T1, sinh năm 1991, trú tại xóm L, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (em trai ở cùng nhà với anh K, cho K mượn xe mô tô để đi lại), lúc này anh K và anh T1 đang ngủ nên N không hỏi mượn xe mà tự ý điều khiển xe mô tô của anh T1 đi đến khu vực xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên để tìm xem có nhà ai sơ hở thì trộm cắp tài sản để bán lấy tiền mua chất ma túy sử dụng. Khi N đi đến nhà anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1979, trú tại xóm C, xã H, huyện Đ, N quan sát thấy sân trước cửa nhà anh H để nhiều đồ điện không có ai trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của anh H. N dựng xe mô tô trước cửa trạm Y tế xã H, huyện Đ, rồi đi bộ vòng ra sau nhà anh H, thấy không có ai nên N đi ra phía trước cửa nhà. Tại đây N nhặt 01 chiếc giỏ bằng nhựa màu đen, đặt 01 máy rửa xe cầm tay vỏ bằng nhựa màu vàng, 02 chiếc mô tơ điện vỏ bằng kim loại màu ghi xám và màu trắng vào giỏ nhựa rồi bê ra xe mô tô, N đặt hết số tài sản trong giỏ nhựa xuống đất rồi tiếp tục cầm giỏ nhựa quay lại lấy trộm thêm 03 chiếc máy bơm nước, vỏ bằng kim loại màu xanh, ghi xám và đỏ tiếp tục bê ra xe mô tô. N cho hết số tài sản vừa trộm cắp được vào 01 chiếc bao tải (N nhặt được bên đường), rồi cho tất cả vào giỏ nhựa đen và đặt lên yên sau xe mô tô, rồi N điều khiểnxe mô tô chở tài sản đi đến cửa hàng thu mua sắt vụn của bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1960, trú tại TDP Đ, TT H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên bán với giá 650.000 đồng. Sau khi bán xong, N về nhà anh K trả lại xe mô tô cho anh K rồi rủ K đi đến thành phố P, tỉnh Thái Nguyên mua chất ma túy của một người đàn ông không quen biết sử dụng.

Ngày 31/5/2022, sau khi phát hiện bị mất tài sản, anh H đã làm đơn trình báo đến Công an xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đề nghị giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Qua điều tra, truy xét Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đại Từ đã làm rõ Nguyễn Văn N là đối tượng trộm cắp tài sản của gia đình anh H.

Tại Kết luận định giá tài sản số 25/KL-HĐĐGTS ngày 11/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự theo quyết định số 2173/QĐ-UBND của UBND huyện Đ, kết luận về giá của tài sản tại thời điểm tháng 5/2022:

+ 01 chiếc máy rửa xe cầm tay loại 1500W, không rõ nhãn hiệu, có vỏ bằng nhựa màu vàng, tình trạng cũ đã qua sử dụng trị giá: 1.200.000 đồng

+ 01 chiếc mô tơ điện loại 1500W, không rõ nhãn hiệu, có vỏ bằng kim loại màu trắng, tình trạng cũ đã qua sử dụng trị giá: 600.000 đồng

+ 01 chiếc mô tơ điện loại 300W, không rõ nhãn hiệu, có vỏ bằng kim loại màu ghi xám, tình trạng cũ đã qua sử dụng trị giá: 1.000.000 đồng

+ 01 chiếc máy bơm nước loại 750W, không rõ nhãn hiệu, có vỏ bằng kim loại màu xanh, tình trạng cũ đã qua sử dụng trị giá: 500.000 đồng

+ 01 chiếc máy bơm nước loại 370W, không rõ nhãn hiệu, có vỏ bằng kim loại màu đỏ, tình trạng cũ và bị hỏng không còn hoạt động. Định giá theo giá trị tận thu vật liệu: 70.000 đồng

+ 01 chiếc máy bơm nước loại 125W, không rõ nhãn hiệu, có vỏ bằng kim loại màu ghi xám, tình trạng cũ đã qua sử dụng trị giá: 400.000 đồng

Tổng giá trị: 3.770.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, bị can đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị can phù hợp với các tài liệu điều tra có trong hồ sơ vụ án như: lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền và nghĩa vụ liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản…

Vật chứng của vụ án: tài sản bị can trộm cắp của gia đình anh H bị cáo bán cho bà Nguyễn Thị C, sau đó bà C đã bán cho một người đàn ông không quen biết làm nghề thu mua phế liệu nên không có căn cứ để thu hồi lại.

Đối với chiếc giỏ nhựa màu đen mà N đã vứt đi, quá trình điều tra anh H xác định không còn giá trị và không thu giữ được nên không có căn cứ để tiến hành định giá. Đối với chiếc bao tải N dùng để đựng tài sản không thu giữ được.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM Angel không có biển kiểm soát mà N sử dụng để đi trộm cắp tài sản, do chiếc xe đã cũ hỏng không thể sử dụng nên sau khi N đem về trả lại cho anh K, sau đó anh T1 đã bán cho người thu mua phế liệu từ tháng 6/2022, không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: anh H yêu cầu N phải hoàn trả toàn bộ số tài sản hoặc hoàn trả số tiền tương ứng với số tài sản N trộm cắp.

Tại bản cáo trạng số 137/ KSĐT ngày 24/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Nguyễn Văn N về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của BLHS.

Kết thúc phần tranh tụng, đại diện VKSND huyện Đại Từ giữ nguyên cáo trạng, đã luận tội đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173 điểm s khoản 1 Điều 51 Điều 38 Điều 47 BLHS 2015; Các Điều 584, 585, 586, 589 và Điều 357 của bộ luật Dân sự; Điều 106 và Điều 136 BLTTHS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N mức án từ 24 tháng đến 30 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo là người nghiện ma túy không việc làm ổn định nên miễn phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn N bồi thường cho anh Nguyễn Văn H giá trị các loại máy bơm nước, máy rửa xe cầm tay và mô tơ điện là 3.770.000 đồng *(Ba triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng)*.

Vật chứng: Không xem xét

Án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước.

Trong phần tranh luận, bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận, thừa nhận việc truy tố, xét xử là đúng người đúng tội, không oan. Bị cáo nói lời sau cùng xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án từ khi khởi tố vụ án, điều tra, truy tố: Cơ quan điều tra Công an huyện Đại Từ, Điều tra viên; VKS nhân dân huyện Đại Từ, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[2]. Về căn cứ buộc tội bị cáo N khai: Khoảng 02 giờ 30 phút, ngày 25/5/2022 tại nhà anh Nguyễn Văn H, trú tại xóm C, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Lợi dụng gia đình anh H sơ hở trong việc quản lý tài sản, Nguyễn Văn N đã thực hiện hành vi trộm cắp 01chiếc máy rửa xe cầm tay, 02 mô tơ điện, 03 máy bơm nước (tài sản cũ đã qua sử dụng) có tổng trị giá là 3.770.000 đồng.

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự. Như vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Khoảng 02 giờ 30 phút, ngày 25/5/2022 tại nhà anh Nguyễn Văn H, trú tại xóm C, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Lợi dụng gia đình anh H sơ hở trong việc quản lý tài sản, Nguyễn Văn N đã thực hiện hành vi trộm cắp 01chiếc máy rửa xe cầm tay, 02 mô tơ điện, 03 máy bơm nước(tài sản cũ đã qua sử dụng) có tổng trị giá là 3.770.000 đồng.

Hành vi trên của bị cáo Nguyễn Văn N đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Nội dung điều luật như sau:

Điều 173 của BLHS quy định:

1. "Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 .....thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

[3]. Xét tính chất hành vi:

Xét về tính chất hành vi của bị cáo là ít nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà trong vụ án này là các anh Nguyễn Văn H. Hành vi đó không những làm mất trật tự trị an xã hội tại địa phương mà còn gây bất bình trong nhân dân nên cần xử lý nghiêm mới đảm bảo được tính răn đe của pháp luật và mang tính phòng ngừa chung.

[4]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì thấy bị cáo N không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 BLHS.

Xét tình tiết giảm nhẹ nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn N được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: *"Người phạm tội thành khẩn khai báo"* được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Xét nhân thân của bị cáo thấy: Bị cáo chưa có tiền án. Tuy nhiên bị cáo là người nghiện ma túy có 02 tiền sự và có nhân thân rất xấu, đã bị nhiều Tòa án nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh Thái Nguyên xử phạt: Áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cở sở cai nghiện bắt buộc; Xử phạt nhiều lần về tội trộm cắp tài sản, tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo không lấy đó làm bài học tu dưỡng rèn luyện bản thân, trở thành công dân có ích mà bị cáo cố ý lao vào con đường phạm tội nhằm lấy tiền tiêu sài, mua ma túy về sử dụng để thỏa mãn nhu cầu của bản thân.

[5]. Về hình phạt:

Căn cứ vào tính chất hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử cần xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N mức án từ 24 tháng đến 30 tháng tù và buộc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian có như vậy mới đủ để cải tạo và giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội đồng thời mang tính phòng ngừa chung là phù hợp

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là người nghiện ma túy không việc làm nên miễn phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại là anh Nguyễn Văn H yêu cầu Nguyễn Văn N bồi thường tổng giá trị các loại máy bơm nước, máy rửa xe cầm tay và mô tơ điện là 3.770.000 đồng, xét yêu cầu của anh H là có căn cứ, tại phiên tòa bị cáo N nhất trí bồi thường cho anh H nên cần buộc bị cáo bồi thường cho anh H số tiền trên là phù hợp.

[7]. Về vật chứng: Không

[8]. Ngoài ra, quá trình điều tra N khai sử dụng chiếc xe mô tô của anh K để đi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên anh K không biết việc N dùng xe mô tô của anh K đi trộm cắp. N đã trả lại xe mô tô cho anh K, anh K đã trả lại xe cho anh T1, anh

T1 đã bán chiếc xe mô tô trên cho người thu mua sắt vụn không quen biết nên không có căn cứ xử lý đối với anh K, anh T và thu giữ chiếc xe mô tô.

Đối với bà C khi mua tài sản của N, bà C không biết tài sản bà C mua lại của N là do N trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với bà C.

Đối với người bán ma túy cho K và N tại thành phố P, tỉnh Thái Nguyên, do K và N đều không biết lai lịch, địa chỉ của người này, sau khi mua N và K đã sử dụng hết nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra, xử lý.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định nộp ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự;

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173 Điểm s khoản 1 Điều 51 Điều 38 Điều 47 của Bộ luật hình sự 2015. Các Điều 584, 585, 586, 589 và Điều 357 của bộ luật Dân sự. Điều 106 Điều 136 và Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Toà án.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N 26 (Hai mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 09/8/2022.

Quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Văn N 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

Về phạt bổ sung: Miễn phạt bổ sung (phạt tiền) cho bị cáo N.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn N bồi thường cho anh Nguyễn Văn H giá trị các loại máy bơm nước, máy rửa xe cầm tay và mô tơ điện là 3.770.000 đồng *(Ba triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng)*.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

3. Về vật chứng: Không

4. Về án phí: Buộc bị cáo N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí Dân sự nộp vào ngân sách nhà nước.

Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt biết được quyền

kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên (1b);
- Công an huyện Đại Từ (3b);
- VKSND huyện Đại Từ (1b);
- VKSND tỉnh Thái Nguyên (1b);
- Chi cục THADS Đại Từ (1b);
- Thi hành án hình sự (2b);
- Bị cáo, bị hại, người có QLNVLQ (1b);
- Thông báo cho UBND xã;
- Lưu HS, lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Kao Hoàng